

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-4-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Tuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn và ông Nguyễn Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn H, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Anh **Đoàn Công N**, sinh năm 1971. Nơi ĐKKHKT: Thôn H, thị trấn T, huyện B, TP. Hà Nội. Nơi đăng ký tạm trú: Thôn 1, xã B, huyện PT, Thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Đoàn Công N là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện B ngày 05/3/2004. Chị và anh N sống hạnh phúc thời gian ngắn do anh N thường xuyên đi làm xa, vợ chồng không có thời gian ở cùng nhau, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Chị và anh N sống ly thân từ khi chị mang bầu cho đến nay. Thỉnh thoảng anh N đi công tác về, mỗi người ở riêng một phòng. Từ tháng 05/2021 anh N đã về xã B, huyện PT mua nhà đất ở một mình,

không còn quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh N để cả hai cùng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đoàn Thúy H, sinh ngày 23/5/2006. Hiện nay cháu H đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn là anh Đoàn Công N trình bày: Anh kết hôn với chị T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện B năm 2004. Sau khi cưới vợ chồng anh ở thị trấn T. Anh thường xuyên đi làm xa theo công trình của Công ty L. Năm 2006 chị T sinh con, chị ở nhà chăm sóc con còn anh vẫn thường xuyên phải đi làm theo công trình của Công ty, một năm anh về nhà được một đến hai lần. Khoảng năm 2016 Công ty cho một số công nhân viên nghỉ việc, trong đó có anh. Không có việc làm nên anh đã xuống Hà Nội làm bảo vệ. Khoảng 03 tháng anh về nhà chơi một lần vào ngày nghỉ. Từ năm 2021 anh không đi làm nữa mà về xã B ở một mình. Do công việc nên giữa anh và chị T không ở cùng nhau. Anh và chị T ly thân từ tháng 05/2021 cho đến nay, chị T không còn quan tâm đến anh. Chị T cũng không biết anh ở đâu. Anh cũng không về nhà ở B để gặp chị T. Mặc dù cuộc sống vợ chồng như vậy nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh vẫn muốn chị T suy nghĩ lại rút đơn khởi kiện, vợ chồng đoàn tụ về ở cùng nhau. Hiện tại, anh vẫn đang ở trọ tại xã B.

* Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Đoàn Thúy H, sinh ngày 23/5/2006. Từ nhỏ đến nay cháu H ở với chị T. Do công việc nên anh không thường xuyên bên cạnh cháu. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý để cháu H cho chị T nuôi dưỡng. Anh không có việc làm nên không cấp dưỡng nuôi con chung. Sau này anh có công việc ổn định anh sẽ cấp dưỡng nuôi con sau.

* Về tài sản chung: Giữa anh và chị T đã giải quyết xong năm 2020. Hiện tại, anh và chị T không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh N đề nghị Tòa án xem xét đề anh và chị T được đoàn tụ vợ chồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Chị T được ly hôn anh Đoàn Công N. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thúy H, sinh ngày 23/5/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đoàn Công N.

Về tài sản chung: Không có. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Đoàn Công N có hộ khẩu thường trú tại thị trấn T, huyện B; tháng 05/2021 anh N đã làm thủ tục đăng ký tạm trú và anh đang sinh sống ở Thôn 1, xã B, huyện PT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 31/12/2021 Tòa án nhân dân huyện B đã ra Quyết định chuyển vụ án theo thẩm quyền là đúng quy định.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Công N trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/3/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị T và anh N đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống cùng nhau, do anh N phải đi làm xa. Hôn nhân tồn tại nhưng anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, từ tháng 05/2021 anh N sống một mình tại xã B, huyện PT; chị T cùng với con ở thị trấn T, huyện B. Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, sống bên nhau nhưng không có hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn. Anh N thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị T, anh N không còn gắn bó, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù, anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh cũng không đưa ra được biện pháp nào để thay đổi tình cảm vợ chồng, anh vẫn sống một mình không về thăm gặp chị T. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T

Về con chung: Anh N, chị T có 01 con chung là cháu Đoàn Thúy H, sinh ngày 23/5/2006. Ly hôn, chị T nhận nuôi các con. Cháu H có nguyện vọng được ở với chị T. Nếu ly hôn, anh N đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H, xét yêu cầu nuôi con chung của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh N.

Về tài sản chung: Ngày 01/12/2020 chị T và anh N đã lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân có công chứng tại văn phòng công chứng N. Tại thời điểm ly hôn, cả anh N và chị T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không phải giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T

- Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đoàn Công N.

- Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Đoàn Thúy H, sinh ngày 23/5/2006. Giao cháu Đoàn Thúy H cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đoàn Công N cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Đoàn Công N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0059707 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hà Nội.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND thị trấn T, huyện B;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Xuân Tuân

